

CÔNG TY TNHH TM ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TOÀN PHÁT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TOÀN PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TOAN PHAT CONSTRUCTION AND INVESTMENT TM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TOAN PHAT COIN TM CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109526979

3. Ngày thành lập: 18/02/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

BT2 lô 23, Khu Đô Thị Mỹ Trì Hạ, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0965221456

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn tổng hợp	4690
2.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
3.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
4.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
5.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
6.	Phá dỡ	4311
7.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
8.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
9.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
11.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
12.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
13.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
14.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
15.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
16.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
17.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
18.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
19.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4511

20.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4513
21.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
22.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
23.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
24.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
25.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
26.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
27.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
28.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
29.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
30.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
31.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
32.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
33.	Trồng cây ăn quả	0121
34.	Trồng cây chè	0127
35.	Trồng lúa	0111
36.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
37.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
38.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
39.	Khai thác thủy sản biển	0311
40.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
41.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
42.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
43.	Xây dựng nhà không để ở	4102
44.	Bán buôn thực phẩm	4632
45.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
46.	Xây dựng công trình thủy	4291
47.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
48.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
49.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
50.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
51.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
52.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
53.	Xây dựng công trình điện	4221
54.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
55.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222

56.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
57.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
58.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: -Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử	4669
59.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
60.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
61.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
62.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
63.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
64.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
65.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị thi công	7730
66.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Trừ: hoạt động kinh doanh bất động sản	5210
67.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
68.	Khai thác và thu gom than non	0520
69.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
70.	Khai thác dầu thô	0610
71.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
72.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
73.	Khai thác quặng sắt	0710
74.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
75.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
76.	Thu nhập lâm sản khác trừ gỗ	0232
77.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
78.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
79.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
80.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
81.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
82.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
83.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
84.	Khai thác gỗ	0220
85.	Khai thác muối	0893

86.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage	9610
87.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
88.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
89.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
90.	Trồng cây lâu năm khác	0129
91.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
92.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
93.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
94.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ súng đạn loại dùng để đi săn hoặc thể thao; bán lẻ tem và tiền kim khí; bán lẻ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4773
95.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
96.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
97.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: _____ Giới tính: _____
 Sinh ngày: _____ Dân tộc: _____ Quốc tịch: _____
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: _____
 Số giấy chứng thực cá nhân: _____
 Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: _____
 Chỗ ở hiện tại: _____

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN VIỆT ANH Giới tính: Nam
 Chức danh: Giám đốc
 Sinh ngày: 29/05/1999 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân
 Số giấy chứng thực cá nhân: 001099023192
 Ngày cấp: 25/09/2018 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 30 Lương Sĩ C, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 Chỗ ở hiện tại: Số 30 Lương Sĩ C, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội